



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ I NĂM 2023

Đà Nẵng, tháng 4 năm 2023

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2023)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.421.907.698.656	1.602.874.533.011
I. Tiền	110		28.458.454.224	24.500.930.736
1 . Tiền	111	V.1	26.458.454.224	17.500.930.736
2 . Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		175.000.000.000	139.255.000.000
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	175.000.000.000	139.255.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		512.653.587.779	460.474.879.436
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	459.796.000.314	447.460.848.580
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		51.164.940.546	13.934.866.168
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	2.342.860.000	2.751.260.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	5.059.776.265	4.054.277.249
5 . Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(5.709.989.346)	(7.726.372.561)
IV. Hàng tồn kho	140		644.844.840.584	934.557.972.407
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	662.376.570.724	987.079.062.487
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.531.730.140)	(52.521.090.080)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		60.950.816.069	44.085.750.432
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	10.300.355.632	9.128.137.752
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	50.646.194.733	34.953.346.976
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	4.265.704	4.265.704

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2023)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		768.218.940.955	791.788.014.279
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.397.746.545	10.651.446.545
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	7.028.580.000	7.614.280.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	3.369.166.545	3.037.166.545
II. Tài sản cố định	220		697.408.399.140	702.843.197.952
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	695.149.682.947	700.375.819.420
- Nguyên giá	222		2.009.617.146.381	1.984.326.610.724
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.314.467.463.434)	(1.283.950.791.304)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.258.716.193	2.467.378.532
- Nguyên giá	228		12.593.614.322	12.593.614.322
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10.334.898.129)	(10.126.235.790)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		88.500.000	13.816.482.196
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	88.500.000	13.816.482.196
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	17.061.339.006	16.359.634.355
1 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		16.111.315.657	15.409.611.006
2 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
3 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(6.805.678.651)	(6.805.678.651)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.9	43.262.956.264	48.117.253.231
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261		40.519.136.006	41.043.750.562
2 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.743.820.258	7.073.502.669
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.190.126.639.611	2.394.662.547.290

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2023)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.266.204.949.825	1.510.140.242.880
I. Nợ ngắn hạn	310		1.006.513.317.996	1.236.578.952.675
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	171.029.250.957	247.458.763.604
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		28.952.539.525	13.225.730.141
3 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	12.565.191.750	34.928.852.934
4 . Phải trả người lao động	314		259.127.158.035	311.860.046.804
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	8.625.131.296	5.896.536.953
6 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		935.196.362	-
7 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	27.079.016.753	24.333.865.250
8 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	435.694.006.699	530.686.157.557
9 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	62.505.826.619	68.188.999.432
II. Nợ dài hạn	330		259.691.631.829	273.561.290.205
1 . Người mua trả tiền trước dài hạn	332		4.165.250.008	4.882.461.916
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	255.526.381.821	268.678.828.289
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		923.921.689.786	884.522.304.410
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	923.921.689.786	884.522.304.410
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.030.750.000	300.030.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.030.750.000	300.030.750.000
2 . Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.752.940.000	1.752.940.000
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		179.831.269.985	178.026.784.321
4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		401.714.959.619	362.110.088.453
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		354.453.028.871	98.761.374.269
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		47.261.930.748	263.348.714.184
5 . Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		40.591.770.182	42.601.741.636
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.190.126.639.611	2.394.662.547.290

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Thảo

Nguyễn Thị Tường Long

Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			năm 2023	năm 2022	năm 2023	năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.271.924.404.742	1.345.124.871.291	1.271.924.404.742	1.345.124.871.291
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.981.291.584	61.180.824	1.981.291.584	61.180.824
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.269.943.113.158	1.345.063.690.467	1.269.943.113.158	1.345.063.690.467
4. Giá vốn hàng bán	11		1.157.134.823.039	1.189.672.830.286	1.157.134.823.039	1.189.672.830.286
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		112.808.290.119	155.390.860.181	112.808.290.119	155.390.860.181
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	17.269.144.520	15.212.642.606	17.269.144.520	15.212.642.606
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	14.176.418.005	9.628.519.486	14.176.418.005	9.628.519.486
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		9.019.309.594	4.543.926.819	9.019.309.594	4.543.926.819
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	24		701.704.651	211.248.744	701.704.651	211.248.744
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	20.409.678.196	33.586.280.052	20.409.678.196	33.586.280.052
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	36.095.329.136	36.875.088.989	36.095.329.136	36.875.088.989
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.097.713.953	90.724.863.004	60.097.713.953	90.724.863.004
[30 = 20+(21 - 22)+(24-(25 + 26)]						
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.156.381.332	1.493.551.525	1.156.381.332	1.493.551.525
13. Chi phí khác	32	VI.7	4.655.016.826	620.687.379	4.655.016.826	620.687.379
14. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32)	40		(3.498.635.494)	872.864.146	(3.498.635.494)	872.864.146
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		56.599.078.459	91.597.727.150	56.599.078.459	91.597.727.150
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.645.865.407	13.460.104.175	4.645.865.407	13.460.104.175
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		4.329.682.411	-	4.329.682.411	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		47.623.530.641	78.137.622.975	47.623.530.641	78.137.622.975
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		47.261.930.748	72.773.481.159	47.261.930.748	72.773.481.159
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		361.599.893	5.364.141.816	361.599.893	5.364.141.816
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-	1.575	3.080
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-	-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Anh Thảo

Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tường Long

Nguyễn Thị Tường Long

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 04 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		56.599.078.459	91.597.727.150
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		31.712.042.079	31.602.013.480
- Các khoản dự phòng	03		(37.005.743.155)	(133.660.639)
- Lãi/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		214.061.222	1.930.793.786
- Lãi/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(1.827.258.245)	(1.029.292.810)
- Chi phí lãi vay	06		9.019.309.594	4.543.926.819
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động (08 = 01+02+03+04+05+06)	08		58.711.489.954	128.511.507.786
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(69.556.189.031)	(64.091.113.851)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		324.702.491.763	290.075.450.410
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(99.222.943.753)	(214.267.831.283)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(669.505.937)	(4.506.910.045)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.431.942.133)	(4.908.788.975)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.250.842.102)	(9.120.482.838)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		21.639.419	26.814.915
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.928.957.497)	(8.789.707.106)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		166.375.240.683	112.928.939.013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

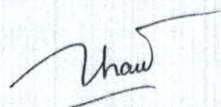
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(22.885.934.872)	(42.901.951.605)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		29.932.644	313.300.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.000.000.000)	(113.982.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.249.100.000	16.214.500.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		1.095.620.950	504.744.066
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(56.511.281.278)	(139.851.407.539)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		888.669.555.457	1.051.652.714.248
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(994.575.491.374)	(1.052.524.022.449)
3. Cổ tức, lợi tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(500.000)	(5.860.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(105.906.435.917)	(877.168.701)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		3.957.523.488	(27.799.637.227)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24.500.930.736	58.586.417.754
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	28.458.454.224	30.786.780.527

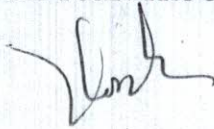
Đà Nẵng, Ngày 21 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC







Phạm Anh Thảo

Nguyễn Thị Tường Long

Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 61,87% vốn. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày trên đây đã được hợp nhất số liệu của Tổng công ty và các công ty con trong toàn tập đoàn, bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần Thời Trang Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An
- Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Duy Xuyên
- Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ Thăng Bình
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây Dựng Hòa Thọ

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán:

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Tổng công ty và các công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:

1. Cơ sở hợp nhất:

1.1. Công ty con:

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

1.2. Lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

1.3. Công ty liên kết:

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

1.4. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất:

Các sổ dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại các công ty liên kết này.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:

* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chi có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.

* Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.

10. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:

- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
 - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
 - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
 - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất hiện hành 20%
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Đơn vị tính: Đồng Việt Nam****V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:****1. Tiền và các khoản tương đương tiền:**

	31/03/2023	01/01/2023
Tiền mặt tại quỹ	202.273.389	167.344.719
_ VND	202.273.389	167.344.719
Tiền gửi ngân hàng	26.256.180.835	17.333.586.017
_ VND	8.840.022.581	12.017.258.814
_ USD	17.416.158.254	5.316.327.203
Tương đương tiền	2.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	28.458.454.224	24.500.930.736

2. Các khoản đầu tư tài chính:**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	175.000.000.000	175.000.000.000	139.255.000.000	139.255.000.000
Cộng	175.000.000.000	175.000.000.000	139.255.000.000	139.255.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Phú Ninh	4.000.000.000	(2.922.559.298)	4.000.000.000	(3.436.524.490)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	6.428.000.000	8.605.874.955	6.428.000.000	8.418.135.496
Cộng	10.428.000.000	5.683.315.657	10.428.000.000	4.981.611.006

*** Đầu tư vào đơn vị khác**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Bông Miền Trung	855.702.000	(505.678.651)	855.702.000	(505.678.651)
Công ty Cổ phần bao bì Hòa thọ Quảng Đà	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP HCM	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)
Cộng	7.755.702.000	(6.805.678.651)	7.755.702.000	(6.805.678.651)

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Quảng Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	99.732.063	248.790.745
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.250.977.746	30.579.277.726
Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	317.013.225	260.631.870
Mua hàng hóa và dịch vụ	27.100.074.698	25.005.012.861
Công ty mẹ - Tập Đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	584.550.910	517.519.654
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.265.717.898	37.477.630.955

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:**a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :**

	31/03/2023	01/01/2023
<i>MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED</i>	105.796.381.047	139.903.797.596
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	126.969.161.152	91.560.398.308
<i>Các khách hàng khác</i>	227.030.458.115	215.996.652.676
Tổng cộng	459.796.000.314	447.460.848.580

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	31/03/2023	01/01/2023
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	72.067.630	159.181.030
Tổng cộng	72.067.630	159.181.030

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Các khoản phải thu khác:****a, Phải thu ngắn hạn khác:**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	1.069.193.605	-	1.107.894.840	-
Ký cược, ký quỹ	104.481.000	-	104.481.000	-
Phải thu khác	3.886.101.660	-	2.841.901.409	-
Cộng	5.059.776.265	-	4.054.277.249	-

b, Phải thu dài hạn khác:

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Kí quỹ bảo đảm đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Nhà Máy May Triệu Phong"	2.450.000.000	-	2.450.000.000	-
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	919.166.545	-	587.166.545	-
Cộng	3.369.166.545	-	3.037.166.545	-

c, Phải thu về cho vay ngắn hạn:

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	2.342.860.000	-	2.342.860.000	-
- Các bên khác	-	-	408.400.000	-
Cộng	2.342.860.000	-	2.751.260.000	-

d, Phải thu về cho vay dài hạn:

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	7.028.580.000	-	7.028.580.000	-
- Các bên khác	-	-	585.700.000	-
Cộng	7.028.580.000	-	7.614.280.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Hàng tồn kho:**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	57.520.651.683	(4.022.010.507)
Nguyên vật liệu	204.864.234.082	(11.370.572.167)	293.527.557.391	(34.039.865.021)
Công cụ dụng cụ	492.162.666	-	508.599.016	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	408.776.217.707	(2.577.693.243)	416.214.620.311	(4.356.132.106)
Thành phẩm	37.580.015.537	(3.140.363.677)	54.011.314.325	(9.657.502.023)
Hàng hóa	5.030.907.908	(443.101.053)	6.259.266.067	(445.580.423)
Hàng gửi đi bán	5.633.032.824	-	159.037.053.694	-
Cộng	662.376.570.724	(17.531.730.140)	987.079.062.487	(52.521.090.080)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tài sản cố định hữu hình:

Chi tiêu	Nhóm	Nhà cửa kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư tại ngày 01/01/2023		468.086.301.287	1.316.153.913.583	87.471.651.025	9.536.080.162	103.078.664.667	1.984.326.610.724
Mua mới trong năm		208.871.635	3.174.878.146	715.841.000	-	-	4.099.590.781
Chuyển từ XDCB dở dang		72.583.516	22.065.856.540	17.309.817	-	-	22.155.749.873
Phân loại lại tài sản		(2.038.695.707)	2.038.695.707	-	-	-	-
Thanh lý		-	(422.418.633)	(542.386.364)	-	-	(964.804.997)
Số dư tại ngày 31/03/2023		466.329.060.731	1.343.010.925.343	87.662.415.478	9.536.080.162	103.078.664.667	2.009.617.146.381
Giá trị đã hao mòn							
Số dư tại ngày 01/01/2023		199.043.420.649	942.321.345.190	47.533.822.535	7.785.939.029	87.266.263.901	1.283.950.791.304
Khấu hao trong kỳ		6.082.446.707	21.490.578.830	2.137.193.468	175.235.128	1.596.022.994	31.481.477.127
Phân loại lại tài sản		(2.038.695.707)	2.038.695.707	-	-	-	-
Thanh lý		-	(422.418.633)	(542.386.364)	-	-	(964.804.997)
Số dư tại ngày 31/03/2023		203.087.171.649	965.428.201.094	49.128.629.639	7.961.174.157	88.862.286.895	1.314.467.463.434
Giá trị còn lại							
Số dư tại ngày 01/01/2023		269.042.880.638	373.832.568.393	39.937.828.490	1.750.141.133	15.812.400.766	700.375.819.420
Số dư tại ngày 31/03/2023		263.241.889.082	377.582.724.249	38.533.785.839	1.574.906.005	14.216.377.772	695.149.682.947

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 827.320 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Tài sản cố định vô hình:

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 01/01/2023	12.593.614.322
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 31/03/2023	12.593.614.322
Khấu hao	
Số dư tại ngày 01/01/2023	10.126.235.790
Tăng trong kỳ	208.662.339
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 31/03/2023	10.334.898.129
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.467.378.532
Số dư tại ngày 31/03/2023	2.258.716.193

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 8.316 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/03/2023	01/01/2023
+ Đầu tư thiết bị nhà máy sợi	-	13.367.742.196
+ Các công trình khác	88.500.000	448.740.000
Cộng	88.500.000	13.816.482.196

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Chi phí trả trước:

	31/03/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.300.355.632	9.128.137.752
b. Dài hạn:		
Chi phí trả trước dài hạn là công cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	40.519.136.006	41.043.750.562
Cộng	50.819.491.638	50.171.888.314

10. Phải trả người bán ngắn hạn:

- Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn:*

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/03/2023	01/01/2023
HULTAFORS GROUP AB	13.954.869.306	41.205.311.087
KWONG LUNG ENTERPRISE CO.,LTD	11.626.074.971	12.736.138.715
Các nhà cung cấp khác	145.448.306.680	193.517.313.802
	171.029.250.957	247.458.763.604

*** Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/03/2023	01/01/2023
- Tập đoàn Dệt May Việt Nam	8.160.362.748	5.023.685.489
- Công ty Cổ phần may Hoà Thọ Quảng Nam	10.953.183.573	18.462.790.590
Tổng cộng	19.113.546.321	23.486.476.079

11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:

a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:

	01/01/2023	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	31/03/2023
Các loại thuế khác	4.265.704	-	-	-	-	4.265.704
Cộng	4.265.704	-	-	-	-	4.265.704

b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2023	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	31/03/2023
Thuế GTGT bán hàng nội địa	3.766.804.205	28.266.717.605	(14.902.637.995)	(10.144.155.344)	-	6.986.728.471
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.659.985.549	(5.659.985.549)	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	56.980.038	1.380.638.586	(1.437.618.624)	-	-	-
Thuế thu nhập DN	30.336.893.961	4.645.865.407	(30.250.842.102)	-	-	4.731.917.266
Thuế thu nhập cá nhân	768.174.730	4.227.309.558	(4.831.564.287)	-	-	163.920.001
Các loại thuế khác	-	886.324.572	(203.698.560)	-	-	682.626.012
Cộng	34.928.852.934	45.066.841.277	(57.286.347.117)	(10.144.155.344)	-	12.565.191.750

c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:

	01/01/2023	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	31/03/2023
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	34.953.346.976	53.376.389.956	(27.536.238.157)	(10.144.155.344)	(3.148.698)	50.646.194.733
Cộng	34.953.346.976	53.376.389.956	(27.536.238.157)	(10.144.155.344)	(3.148.698)	50.646.194.733

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí phải trả ngắn hạn:

	31/03/2023	01/01/2023
<i>Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê, in (VP)</i>	1.059.125.667	1.922.413.784
<i>Chi phí lãi vay</i>	10.897.313	423.529.852
<i>Chi phí thuê đất</i>	3.003.156.834	-
<i>Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)</i>	3.810.785.985	2.748.208.017
<i>Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng, thực phẩm, hoa hồng (đơn vị may)</i>	737.080.076	769.365.300
<i>Các chi phí khác</i>	4.085.421	33.020.000
Cộng	8.625.131.296	5.896.536.953

13. Phải trả ngắn hạn khác:

	31/03/2023	01/01/2023
<i>Kinh phí công đoàn</i>	15.071.058.265	15.626.312.053
<i>Lãi cổ tức phải trả</i>	7.131.952.600	1.132.452.600
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	4.876.005.888	7.575.100.597
Cộng	27.079.016.753	24.333.865.250

14. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	31/03/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng 1	7.500.116.030	12.554.614.530	26.875.121.289	21.820.622.789
+ Ngân hàng 2	32.878.816.437	115.542.276.276	141.280.356.559	58.616.896.720
+ Ngân hàng 3	-	48.915.640.668	48.915.640.668	-
+ Ngân hàng 4	-	-	44.392.085.507	44.392.085.507
+ Ngân hàng 5	347.526.852.532	676.917.887.101	644.573.389.697	315.182.355.128
+ Ngân hàng 6	24.292.499.382	34.762.231.382	10.469.732.000	-
+ Ngân hàng 7	-	-	48.375.285.693	48.375.285.693
+ Ban liên lạc hưu trí	300.000.000	-	-	300.000.000
Cộng	412.498.284.381	888.692.649.957	964.881.611.413	488.687.245.837

b, Vay dài hạn:

	31/03/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng 1	38.932.730.655	-	12.488.506.667	51.421.237.322
+ Ngân hàng 2	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	203.803.651.166	-	663.939.801	204.467.590.967
+ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	2.790.000.000	-	-	2.790.000.000
Cộng	255.526.381.821	-	13.152.446.468	268.678.828.289

c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:

	31/03/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	23.195.722.318	-	18.803.189.402	41.998.911.720
Cộng	23.195.722.318	-	18.803.189.402	41.998.911.720

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty và các công ty con.

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2022	236.250.000.000	140.963.518.580	234.646.810.143	1.176.340.000,00	40.761.999.959	653.798.668.682
- Tăng vốn trong năm	63.780.750.000	-	(64.357.350.000)	576.600.000	-	-
- Phân bổ vào các quỹ	-	37.063.265.741	(37.063.265.741)	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	263.348.714.184	-	4.721.137.906	268.069.852.090
- Cổ tức	-	-	(23.625.000.000)	-	(2.551.000.000)	(26.176.000.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(10.839.820.133)	-	(330.396.229)	(11.170.216.362)
Số dư tại ngày 31/12/2022	300.030.750.000	178.026.784.321	362.110.088.453	1.752.940.000	42.601.741.636	884.522.304.410
Số dư tại ngày 01/01/2023	300.030.750.000	178.026.784.321	362.110.088.453	1.752.940.000	42.601.741.636	884.522.304.410
- Phân bổ vào các quỹ	-	1.804.485.664	(1.804.485.664)	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	47.261.930.748	-	361.599.893	47.623.530.641
- Cổ tức	-	-	(4.266.300.000)	-	(1.733.700.000)	(6.000.000.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(1.586.273.918)	-	(637.871.347)	(2.224.145.265)
Số dư tại ngày 31/03/2023	300.030.750.000	179.831.269.985	401.714.959.619	1.752.940.000	40.591.770.182	923.921.689.786

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	31/03/2023	01/01/2023
Vốn góp của Tập đoàn Dệt may Việt Nam	185.618.380.000	185.618.380.000
Vốn góp của các đối tượng khác	114.412.370.000	114.412.370.000
Cộng	300.030.750.000	300.030.750.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***c, Cổ phiếu:**

	31/03/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.003.075	30.003.075
- Cổ phiếu phổ thông	30.003.075	30.003.075
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.003.075	30.003.075
- Cổ phiếu phổ thông	30.003.075	30.003.075
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 01/01/2023	68.188.999.432
Trích lập trong năm từ lợi nhuận thuần	2.224.145.265
Tăng khác trong kỳ	21.639.419
Sử dụng trong kỳ	(7.928.957.497)
Số dư tại ngày 31/03/2023	62.505.826.619

17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:

- Ngoại tệ các loại:**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
USD	749.615,04	17.416.158.254	227.195,66	5.316.327.203

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
+ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	1.269.976.304.943	1.343.325.494.030
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.948.099.799	1.799.377.261
Cộng	1.271.924.404.742	1.345.124.871.291

b, Các khoản giảm trừ doanh thu:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Chiết khấu thương mại	1.821.604.478	-
Hàng bán bị trả lại	159.687.106	61.180.824
Cộng	1.981.291.584	61.180.824

2. Giá vốn hàng bán:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Giá vốn bán hàng và gia công hàng may mặc	1.191.282.956.595	1.189.171.005.200
Giá vốn của hàng hóa đã bán	841.226.384	574.769.110
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(34.989.359.940)	(72.944.024)
Cộng	1.157.134.823.039	1.189.672.830.286

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***3. Doanh thu hoạt động tài chính:**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ứng trước	927.620.950	336.744.066
Chiết khấu thanh toán	17.458.758	2.793.504
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.156.064.812	14.705.105.036
Lợi nhuận được chia	168.000.000	168.000.000
Cộng	17.269.144.520	15.212.642.606

4. Chi phí tài chính:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Chi phí lãi tiền vay	9.019.309.594	4.543.926.819
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	4.943.047.189	3.153.798.881
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	214.061.222	1.930.793.786
Cộng	14.176.418.005	9.628.519.486

5. Chi phí bán hàng:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Chi phí nhân viên	1.428.676.859	1.385.117.397
Chi phí vật liệu, bao bì	169.833.193	147.851.262
Chi phí dụng cụ đồ dùng	335.949.628	389.620.534
Chi phí khấu hao TSCĐ	239.455.651	246.262.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.740.190.548	27.443.842.651
Chi phí bằng tiền khác	3.495.572.317	3.973.586.190
Cộng	20.409.678.196	33.586.280.052

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Chi phí nhân viên	19.182.241.964	17.811.537.071
Chi phí đồ dùng văn phòng	671.432.514	606.179.868
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.538.243.937	2.400.872.569
Thuế, phí và lệ phí	3.040.114.147	3.326.239.417
Chi phí dự phòng khó đòi	(2.016.383.215)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.073.036.045	4.699.434.632
Chi phí bằng tiền khác	7.606.643.744	8.030.825.432
Cộng	36.095.329.136	36.875.088.989

7. Thu nhập khác:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	29.932.644	313.300.000
Các khoản thu khác	1.126.448.688	1.180.251.525
Cộng	1.156.381.332	1.493.551.525

8. Chi phí khác:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Các khoản chi khác	4.655.016.826	620.687.379
Cộng	4.655.016.826	620.687.379

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	593.517.318.567	558.774.746.164
Chi phí nhân công	297.321.777.826	324.017.520.247
Chi phí khấu hao TSCĐ	31.712.042.079	31.602.013.480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.357.748.103	174.936.117.470
Cộng	1.052.908.886.575	1.089.330.397.361

10. Báo cáo bộ phận:

Một bộ phận là một phần không thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác .

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

a) Bộ phận theo vùng địa lý

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Tổng công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

Tổng công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Thụy Điển
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Các vùng địa lý khác

Đơn vị tính: 1.000.000 đồng																
	Trung Quốc		Hoa kỳ		Thụy Điển		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	3T2023	3T2022	3T2023	3T2022	3T2023	3T2022	3T2023	3T2022	3T2023	3T2022	3T2023	3T2022	3T2023	3T2022	3T2023	3T2022
Tổng doanh thu của bộ phận	380.853	405.287	323.339	309.599	144.315	110.647	141.582	104.221	19.461	96.716	47.096	140.128	215.278	178.526	1.271.924	1.345.125
Kết quả kinh doanh của bộ phận	23.397	27.298	37.534	30.518	7.658	4.295	11.737	6.514	1.260	22.164	18.198	36.844	13.024	27.758	112.808	155.391
Thu nhập không phân bổ															17.971	15.424
Chi phí không phân bổ															70.681	80.090
Kết quả từ hoạt động kinh doanh															60.098	90.725
Thu nhập khác															1.156	1.494
Chi phí khác															4.655	621
Thuế TNDN															8.976	13.460
Lợi nhuận thuần sau thuế															47.624	78.138

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***b) Bộ phận theo hoạt động kinh doanh**

Tổng công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong hai lĩnh vực kinh doanh là:

* May mặc

* Sợi

ĐVT: 1.000.000 đồng

	May mặc		Sợi		Loại trừ nội bộ		Hợp nhất	
	3T 2023	3T 2022	3T 2023	3T 2022	3T 2023	3T 2022	3T 2023	3T 2022
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.041.197	1.026.061	230.727	319.064	-	-	1.271.924	1.345.125
Doanh thu giữa các bộ phận	30.425	38.378	15.624	6.055	(46.049)	(44.433)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.071.622	1.064.439	246.351	325.119	(46.049)	(44.433)	1.271.924	1.345.125
Kết quả kinh doanh của bộ phận	100.958	97.147	11.850	58.244	-	-	112.808	155.391
Doanh thu tài chính							17.269	15.213
Chi phí tài chính							14.176	9.629
Phần lãi trong công ty liên kết							702	211
Chi phí không phân bổ							56.505	70.461
Kết quả hoạt động khác không phân bổ							(3.499)	873
Lợi nhuận trước thuế không phân bổ							56.599	91.598
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							4.646	13.460
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							4.329	-
Lợi nhuận thuần sau thuế							47.624	78.138

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

ĐVT: 1.000.000 đồng

	May mặc		Sợi		Hợp nhất	
	31/03/2023	01/01/2023	31/03/2023	01/01/2023	31/03/2023	01/01/2023
Tài sản của bộ phận phân bổ	1.460.874	1.623.073	447.967	546.423	1.908.841	2.169.496
Giá trị còn lại của tài sản không phân bổ					281.286	225.167
Tổng tài sản					2.190.127	2.394.663
Nợ phải trả của bộ phận phân bổ	751.715	940.382	268.965	295.337	1.020.680	1.235.719
Các khoản nợ không phân bổ					245.525	274.421
Tổng nợ phải trả					1.266.205	1.510.140

	May mặc		Sợi		Hợp nhất	
	31/03/2023	01/01/2023	31/03/2023	01/01/2023	31/03/2023	01/01/2023
Chi tiêu vốn					22.886	136.921
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					31.481	126.342
Khấu hao tài sản cố định vô hình					209	788

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Anh Thảo

Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tường Long

Nguyễn Thị Tường Long

Đà Nẵng, Ngày 21 tháng 04 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải